

ĐỀ ÁN

**Tự chủ của Bệnh viện Nội tiết Nam Định thuộc Sở Y tế
tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
2. Luật Viên chức ngày 10/12/2025.
3. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023.
4. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
5. Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
6. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
7. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức.
8. Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức.
9. Nghị định 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức.
10. Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
11. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
12. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

13. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

14. Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

15. Nghị quyết số 08/NQ-TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về chiến lược phát triển ngành Y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

16. Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định nội dung, mức chi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh Ninh Bình.

17. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

18. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, hội quản chúng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Vị trí

Bệnh viện Nội tiết Nam Định (sau đây gọi là Bệnh viện) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, chịu sự quản lý toàn diện của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Bộ Y tế và các bệnh viện tuyến Trung ương

2. Chức năng

Bệnh viện có chức năng khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tiết và các rối loạn chuyển hóa; triển khai hoạt động dự phòng, phòng chống bệnh nội tiết và các rối loạn chuyển hóa tại cộng đồng theo phân công của Sở Y tế.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh

- Tiếp nhận mọi trường hợp người bệnh về chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú.

- Giải quyết các bệnh chuyên khoa thuộc khu vực.
- Tham gia khám giám định sức khỏe và khám giám định pháp y khi hội đồng giám định y khoa trung ương hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân viên y tế

- Thực hiện việc đào tạo liên tục, bồi dưỡng kiến thức về nội tiết, rối loạn chuyển hóa.
- Là cơ sở đào tạo thực hành về chuyên khoa nội tiết, rối loạn chuyển hóa cho các cơ sở đào tạo về khối ngành sức khỏe theo quy định.

c) Nghiên cứu khoa học về y học

- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về chuyên khoa ở cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.
- Tham gia với cơ sở y tế cấp ban đầu triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình chuyên khoa tại cộng đồng theo phân công của Sở Y tế.

d) Chỉ đạo các hoạt động chuyên khoa nội tiết và các rối loạn chuyển hóa đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được giao phụ trách

- Chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật về hoạt động chuyên khoa; hỗ trợ những người hành nghề tư về chuyên khoa trong khu vực để phát triển và nâng cao kỹ thuật chuyên khoa.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động chuyên khoa.
- Kết hợp với y tế dự phòng thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình hoạt động chuyên khoa tại cộng đồng.

đ) Phòng bệnh

Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch:

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống bệnh nội tiết và các rối loạn chuyển hóa.
- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan để triển khai hoạt động phòng, chống bệnh nội tiết và các rối loạn chuyển hóa tại cộng đồng theo phân công của Sở Y tế.

e) Hợp tác quốc tế

Hợp tác với các tổ chức, cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

g) Quản lý kinh tế

- Quản lý nguồn kinh phí, tài sản, trang thiết bị của Bệnh viện theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về thu chi ngân sách của Bệnh viện; tự cân đối thu chi, đảm bảo chi thường xuyên.

- Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác.

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao.

4. Cơ cấu tổ chức

- Ban Giám đốc Bệnh viện gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các khoa, phòng chức năng có 09 đơn vị:

+ Các phòng chức năng có 04 phòng:

(1) Phòng Tài chính kế toán;

(2) Phòng Tổ chức - Hành chính;

(3) Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyển;

(4) Phòng Điều dưỡng.

+ Các khoa chức năng có 05 khoa:

(1) Khoa Khám bệnh;

(2) Khoa Điều trị tổng hợp;

(3) Khoa Hồi sức cấp cứu - Biện chứng bàn chân - Đái tháo đường

(4) Khoa Dược - Trang thiết bị Y tế;

(5) Khoa Cận lâm sàng.

5. Nhân lực làm việc tại Bệnh viện

a) Số lượng nhân lực làm việc

- Viên chức: 54 người.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 07 người.

b) Cơ cấu nhân lực tại Bệnh viện

- Cơ cấu nhân lực theo trình độ chuyên môn:

Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Chuyên khoa I, thạc sĩ	12	7,32
Đại học	33	54,1
Cao đẳng	12	19,67
Trung cấp	3	4,91
Khác	1	1,63
Tổng cộng:	61	100

- Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi:

Độ tuổi	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Từ 30 tuổi trở xuống	08	13,11
Từ 31 - 40 tuổi	24	39,34
Từ 41 - 50 tuổi	17	27,86
Trên 50 tuổi	12	19,67
Tổng cộng:	61	100

- Cơ cấu nhân lực theo chức danh nghề nghiệp

Chức danh nghề nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Bác sĩ (hạng II, III)	18	29,50
Điều dưỡng (hạng II, III, IV)	22	36,66
Kỹ thuật y (hạng II, III, IV)	05	8,20
Dược sĩ (hạng II, III, IV)	06	9,83
Khác	10	16,39
Tổng cộng:	61	100

6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn trong công tác khám chữa bệnh hầu hết đạt và vượt các chỉ tiêu được giao và tăng trưởng dần qua các năm:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng số giường bệnh giao	Giường	70	70	70	70	70
2	Tổng số giường bệnh thực kê	Giường	50	50	50	55	55
3	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	48.500	56.800	60.950	59.917	61.337
4	Ngày điều trị nội trú trung bình	Ngày	14	14	14	13	13
5	Công suất sử dụng giường thực kê	%	54,70%	54.7%	77%	78.5%	75%
6	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống	ca	17	14	9	33	60
7	Nghiệm pháp dung nạp Glucose	ca	92	44	38	6	15
8	Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)	ca	27.950	35.910	26.615	37.358	39.000
9	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	ca	24	9	-	-	
10	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	ca	-	4.009	9.415	6.050	11.700
11	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	ca	35.885	45.847	56.441	43.784	47.000
12	Định lượng Glucose (máu)	ca	33.540	42.583	45.795	46.171	47.000
13	Định lượng HDL-C	ca	11.403	11.189	16.573	12.580	22.000
14	Định lượng HbA1c	ca	8.613	8.453	7.480	10.343	10.550
15	Định lượng Insulin	ca	502	428	701	493	500
16	Định lượng LDL - C	ca	12.210	10.422	16.555	12.574	21.550
17	Định lượng Peptid - C	ca	310	276	903	421	520
18	Định lượng Protein toàn phần (máu)	ca	2.097	4.286	1.084	783	2.260

19	Định lượng T3	ca	3.715	4.605	6.915	5.477	8.750
20	Định lượng TG	ca	645	402	792	475	620
21	Định lượng TSH	ca	3.688	5.932	7.238	5.310	8.720
22	Định lượng Triglycerid	ca	15.902	7.674	16.924	10.411	21.590
23	Định lượng Urê máu [Máu]	ca	32.177	38.982	43.054	42.265	46.399
24	Siêu âm tuyến giáp	ca	13.883	16.425	20.963	20.306	21.600
25	Siêu âm ổ bụng	ca	11.118	13.714	12.995	11.162	13.500
26	Siêu âm hạch vùng cổ				101	2	760
27	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)				8	658	45
28	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)				2	72	40
29	Điện tim thường	ca	15.115	18.534	21.144	27	23.600
30	Siêu âm tuyến vú hai bên		-	-	-	6	
31	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	ca	1.042	561	7.455	351	370
32	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	ca	1	1.486	-	-	-
33	Chọc hút tế bào tuyến giáp	ca	-	-	2	1	-
34	Định lượng máu (Micro Albumin Urine)	ca	-	-	-	3.475	
35	Định lượng Albumin	ca					1.650
36	Định lượng Testosterol	ca	-	-	-	271	200

7. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn 2021-2025

Trong giai đoạn tự chủ 2021-2025, Bệnh viện đã thực hiện thu, chi và chênh lệch thu chi theo biểu báo cáo sau đây:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025
A	Kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên	2.250				
	Không giao tự chủ	2.250	0	0	0	0
B	Thu, chi hoạt động dịch vụ	39.410	36.928	37.144	36.060	43.259
I	Số thu	39.410	36.928	37.144	36.060	43.259
1	Thu từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	39.410	36.926	37.144	36.060	43.259
-	Thu từ khám chữa bệnh	39.374	36.856	36.744	34.865	41.671
-	Thu từ cho thuê quầy thuốc	36	37	171	422	422
-	Doanh thu tài chính	0	3	122	567	559
-	Thanh lý tài sản	0	25			7
-	Bán hồ sơ thầu	0	7			0
-	Tư vấn dinh dưỡng			24		24
-	Khác			83	206	576
II	Số chi	35.905	29.410	31.324	30.624	37.259
1	Chi tiền lương ngạch bậc, tiền công, các khoản phụ cấp...	4.339	5.185	5.533	7.290	9.718
2	Chi mua sắm phục vụ chuyên môn	27.144	21.112	22.490	22.314	25.541
3	Chi quản lý, chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	285	331	152	423	1.500
4	Chi khác	4.137	2.782	3.149	597	500
III	Chênh lệch thu chi	3.505	7.518	5.820	5.436	6.000
	Trong đó: Trích lập nguồn cải cách tiền lương (nếu có)	105	0	0	0	0

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Bệnh viện thực hiện phương án tự chủ cả về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; trong thời gian thực hiện tự chủ, về cơ bản Bệnh viện cân đối và đảm bảo được toàn bộ các nội dung chi thường xuyên tại Bệnh viện, ngân sách nhà nước không phải cấp cho chi thường xuyên.

- Bệnh viện luôn chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện đúng tiến độ với chất lượng cao.

- Cán bộ, nhân viên Bệnh viện được đào tạo cơ bản, chính quy, nhiệt tình với công việc, yêu nghề, đoàn kết, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

- Trang thiết bị được đầu tư cơ bản đáp ứng được yêu cầu về hoạt động chuyên môn của Bệnh viện.

- Được sự hỗ trợ về chuyên môn từ các bệnh viện trung ương thông qua các đề án hợp tác chuyển giao kỹ thuật.

2. Khó khăn, hạn chế

a) Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, thiếu cán bộ có kinh nghiệm, đặc biệt là có trình độ cao, chuyên khoa sâu để tiếp nhận, triển khai các kỹ thuật mới. Công tác tuyển dụng, thu hút nhân lực chất lượng cao còn khó khăn, đặc biệt ở các chuyên ngành hồi sức cấp cứu, nội tiết, công nghệ thông tin trình độ cao lập trình phần mềm, điện tử y sinh. Trong điều kiện tự chủ, đây là thách thức vì bệnh viện muốn phát triển kỹ thuật cao, chuyển đổi số và quản trị hiện đại thì phải có nguồn nhân lực phù hợp.

- Nhân lực phục vụ công tác đấu thầu, mua sắm còn thiếu và chủ yếu kiêm nhiệm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Có sự mất cân đối giữa quy mô cơ sở hạ tầng thiết kế và quy mô hoạt động thực tế. Bệnh viện được đầu tư theo quy mô 70 giường nội trú, nhưng số cơ sở vật chất chỉ đáp ứng được 55 giường. Số lượng người bệnh đến khám bệnh ngoại trú tăng cao, có những thời điểm trong năm 2025 vượt 50%, làm tăng tình trạng quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ, sự hài lòng người bệnh và tạo áp lực rất lớn lên hạ tầng, trang thiết bị, môi trường Bệnh viện.

- Cơ sở vật chất đã được đưa vào sử dụng từ năm 2010, nhiều hạng mục xuống cấp nhưng chưa được đầu tư duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa lớn. Hệ thống

xử lý chất thải y tế, hệ thống phòng cháy chữa cháy, một số công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật chưa phù hợp hoàn toàn với quy mô hoạt động hiện tại.

- Một số trang thiết bị y tế sử dụng lâu năm đã đến giai đoạn xuống cấp nhưng công tác đấu thầu, mua sắm bổ sung, thay thế vẫn còn chậm do nhân lực thực hiện công tác đấu thầu còn mỏng, làm việc kiêm nhiệm trong khi khối lượng, quy mô mua sắm rất lớn.

c) Về cơ chế chính sách

- Là đơn vị tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên, trong cơ cấu giá dịch vụ chưa bao gồm chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản nhưng hàng năm nguồn kinh phí ngân sách cấp hỗ trợ cho Bệnh viện để mua sắm, sửa chữa máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng ít nên chưa đáp ứng được so với yêu cầu để duy trì, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám chữa bệnh.

- Khó khăn trong cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư y tế vẫn còn, nhất là trong bối cảnh Luật Đấu thầu và các quy định liên quan thay đổi, làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì liên tục các dịch vụ kỹ thuật. Đây cũng là một nguyên nhân khiến mục tiêu giảm chuyển tuyến theo Đề án giai đoạn 2023-2025 đưa ra chưa đạt như kỳ vọng.

d) Về công tác chuyên môn

Số lượng bệnh nhân đến khám bệnh năm 2024 là 59.916 lượt; năm 2025 số lượng bệnh nhân đến khám bệnh tăng lên 61.337 lượt, cho thấy nhu cầu điều trị nội trú và ngoại trú tăng nhanh đã phản ánh mô hình bệnh tật tăng cao, hệ thống khám chữa bệnh thường xuyên hoạt động công suất tối đa nhưng chưa đồng bộ với phát triển về hạ tầng, trang thiết bị, cũng như nhu cầu của xã hội và nhân dân...

đ) Về công tác tài chính

- Nguồn thu vẫn phụ thuộc lớn vào quỹ bảo hiểm y tế.
- Áp lực chi cho tiền lương, vật tư y tế, thuốc ngày càng tăng nhất là khi cải cách tiền lương nhưng giá dịch vụ chưa được điều chỉnh kịp thời.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN** **CỦA BỆNH VIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ

chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện. Xây dựng Bệnh viện trở thành bệnh viện chuyên khoa hạng II hiện đại, hoàn chỉnh; phát triển kỹ thuật chuyên sâu; hoạt động theo cơ chế tự chủ bền vững bảo đảm cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng, an toàn, hiệu quả, nâng cao năng lực chuyên môn, quản trị và tài chính; tối ưu hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh và khu vực; cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự hợp lý theo đúng quy định hiện hành, tạo động lực cho đội ngũ viên chức, người lao động phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, yên tâm công tác từ đó triển khai các hoạt động chuyên môn hiệu quả; góp phần đẩy nhanh quá trình đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về quy mô và tổ chức

- Quy mô giường bệnh đạt khoảng 150 giường phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng khai thác.
- Hoàn thiện, đưa vào hoạt động hiệu quả các khoa chuyên sâu (ung bướu, tim mạch, hồi sức cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, ngoại khoa...).
- Thành lập và vận hành khu khám, điều trị chất lượng cao, phát triển khoa Ngoại.
- Cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu quả đúng quy định, có 13 khoa, phòng.

b) Về năng lực cung ứng dịch vụ và giảm chuyển tuyến

- Tốc độ tăng trưởng số lượt khám bệnh và điều trị nội trú bình quân 8 - 12%/năm phù hợp năng lực tiếp nhận.
- Tỷ lệ chuyển tuyến giảm còn < 2% (trừ các ca vượt khả năng chuyên môn theo quy định).

c) Về phát triển chuyên môn kỹ thuật

- Phát triển danh mục kỹ thuật, bảo đảm thực hiện được phần lớn kỹ thuật thuộc phân tuyến chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng giường bệnh, duy trì công suất sử dụng giường từ 90 - 95%.
- Triển khai bổ sung các dịch vụ kỹ thuật mới hằng năm, ưu tiên các lĩnh vực mũi nhọn đại tháo đường, tuyến giáp, tim mạch, hồi sức cấp cứu, thận - tiết niệu, tế bào học.

- Đến năm 2030:

- + Triển khai thêm khoảng 100 - 200 dịch vụ kỹ thuật, trong đó có 10 - 15% kỹ thuật loại I;
- + Từng bước tiếp cận tiêu chí bệnh viện hạng I theo định hướng của Bộ Y tế;
- + Đẩy mạnh hợp tác với bệnh viện tuyến Trung ương, triển khai kỹ thuật cao, chuyển giao công nghệ.

d) Về chất lượng và an toàn người bệnh

- Duy trì và cải tiến hoạt động hiệu quả quản lý chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam.

- Các chỉ tiêu chủ yếu:

- + Giảm tỷ lệ biến chứng nặng trong điều trị $\geq 15 - 20\%$ so với giai đoạn trước;
- + Tỷ lệ tái nhập viện trong 30 ngày $< 2\%$;
- + Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện giảm hằng năm, kiểm soát theo quy định;
- + Tỷ lệ tuân thủ quy trình chuyên môn $\geq 95\%$;
- + Tỷ lệ hài lòng người bệnh $\geq 98\%$;
- + 100% sự cố y khoa được báo cáo, phân tích nguyên nhân và có biện pháp khắc phục.

đ) Về chuyển đổi số

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát an toàn người bệnh theo thời gian thực.

- Hoàn thiện bệnh án điện tử theo lộ trình của Bộ Y tế, bảo đảm:

- + 100% bệnh án điện tử được chuẩn hóa dữ liệu, có cấu trúc, khai thác được phục vụ quản lý và chuyên môn;
- + $\geq 95\%$ dữ liệu được liên thông, tích hợp giữa các hệ thống (khám bệnh, cận lâm sàng, dược, tài chính);
- + 100% khoa/phòng sử dụng dashboard điều hành theo thời gian thực;
- + Triển khai hệ thống cảnh báo an toàn người bệnh trên nền tảng số;
- + $\geq 80\%$ người bệnh sử dụng dịch vụ số;
- + 100% dữ liệu được bảo mật, sao lưu và quản lý theo quy định.

- Chuyển đổi số bảo đảm nguyên tắc dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống”, phục vụ trực tiếp công tác quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bệnh viện.

- Bảo đảm thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

e) Về tài chính

- Thực hiện tự chủ tài chính theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 2.

- Tăng trưởng nguồn thu sự nghiệp bình quân 8 - 12%/năm.

- Bảo đảm cân đối thu - chi, thường xuyên có tích lũy để đầu tư, phát triển.

- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định.

- Từng bước nâng thu nhập tăng thêm cho người lao động đạt 0,6 -1,0 lần quỹ lương.

g) Về tổ chức bộ máy, nhân lực

- Xây dựng bộ máy tổ chức bệnh viện đồng bộ, tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đúng vị trí việc làm được phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2030, Bệnh viện có 13 khoa, phòng.

- Bảo đảm cơ cấu nhân lực hợp lý. Đến năm 2030, phấn đấu đạt:

TT	Nhóm vị trí việc làm	Tỷ lệ (%)/Số lượng
I	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan	
1	Bác sĩ (%)	20 - 22
2	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y (%)	50 - 52
3	Dược, trang thiết bị y tế (%)	5 - 7
4	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác (công tác xã hội, kỹ sư, tâm lý và chuyên môn khác) (%)	1 - 3
II	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (%)	10 - 15
III	Nhóm hỗ trợ, phục vụ (gồm cả hợp đồng lao động) (%)	5 - 10
IV	Tổng nhân lực (người)	150

- Tăng tỷ lệ bác sĩ có trình độ sau đại học, phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

- Đẩy mạnh đào tạo liên tục, đào tạo chuyên sâu và hợp tác quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA BỆNH VIỆN

1. Dự kiến điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ

Bệnh viện đề xuất giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nội tiết Nam Định thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

2. Định hướng phát triển về chuyên môn

- Đến năm 2030, Bệnh viện phấn đấu đạt bệnh viện chuyên khoa hoàn chỉnh, cấp chuyên sâu, có năng lực cạnh tranh vùng, giữ vai trò hạt nhân chuyên môn của hệ thống y tế tỉnh Ninh Bình; vừa là cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao cho người dân trong và ngoài tỉnh, vừa là trung tâm đào tạo, chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật chuyên khoa và hạt nhân chuyển đổi số y tế.

- Bệnh viện định hướng phát triển với quy mô 150 giường bệnh, hình thành 13 khoa, phòng, trong đó chuyên sâu gồm: Tim mạch, Chẩn đoán hình ảnh, Hồi sức tích cực và Chống độc, Phẫu thuật tuyến giáp, Chạy thận nhân tạo - Nam học, Khám chữa bệnh chất lượng cao, Ung bướu. Đồng thời triển khai bổ sung 100 - 150 dịch vụ kỹ thuật, trong đó có 50 dịch vụ kỹ thuật loại I, hướng tới đáp ứng tiêu chí bệnh viện hạng I, được xếp cấp chuyên sâu; từng bước trở thành trung tâm kỹ thuật cao của vùng Nam Đồng bằng sông Hồng.

- Lộ trình thực hiện như sau:

- + Năm 2026: Hoàn thiện và đưa vào sử dụng xét nghiệm tế bào học tuyến giáp, bổ sung 30 dịch vụ kỹ thuật thuộc các lĩnh vực ngoại khoa.

- + Năm 2027: Đưa vào hoạt động khu Chẩn đoán hình ảnh; triển khai thêm 30 dịch vụ kỹ thuật thuộc chuyên ngành nội tiết, đái tháo đường.

- + Năm 2028: Cải tạo cơ sở vật chất tăng quy mô 120 giường bệnh, triển khai thêm 20 dịch vụ kỹ thuật thuộc chuyên ngành ngoại khoa.

- + Năm 2029: Giữ ổn định quy mô giường bệnh, triển khai thêm 20 dịch vụ kỹ thuật lĩnh thận tiết niệu.

- + Năm 2030: Bổ sung 50 dịch vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực ngoại khoa.

Với định hướng trên, Bệnh viện sẽ tập trung phát triển các chuyên ngành mũi nhọn như hồi sức cấp cứu, ngoại khoa, thận nhân tạo và chẩn đoán hình ảnh; đồng thời phát triển đồng bộ các chuyên khoa khác, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

3. Định hướng phát triển về tổ chức bộ máy, nhân sự

Để đáp ứng nhu cầu người dân và định hướng phát triển trở thành bệnh viện đầu ngành chuyên khoa nội tiết của tỉnh theo hướng chuyên sâu, hiện đại và hội nhập với các trung tâm y khoa lớn trong nước; Bệnh viện dự kiến phát triển theo từng giai đoạn cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2028

Bệnh viện có tổng có 09 khoa, phòng gồm:

- (1) Phòng Tài chính kế toán;
- (2) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- (3) Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyến;
- (4) Phòng Điều dưỡng;
- (5) Khoa Khám bệnh;
- (6) Khoa Điều trị tổng hợp;
- (7) Khoa Hồi sức cấp cứu - Biến chứng bàn chân - Đái tháo đường
- (8) Khoa Dược - Trang thiết bị Y tế;
- (9) Khoa Cận lâm sàng

b) Giai đoạn 2 từ năm 2029 đến năm 2030

Bệnh viện có tổng số có 13 khoa khoa, phòng. Giữ nguyên 09 khoa, phòng như giai đoạn 1 và dự kiến thành lập thêm 01 phòng, 03 khoa cụ thể như sau:

- (1) Phòng Vật tư y tế - quản lý chất lượng bệnh viện;
- (2) Khoa Ngoại gây mê hồi sức;
- (3) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- (4) Khoa Dinh dưỡng.

(Tùy vào tình hình thực tế, thời gian thành lập mới, sáp nhập, tổ chức lại các khoa, phòng sẽ thực hiện chậm hoặc sớm hơn so thời gian dự kiến).

4. Định hướng phát triển về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học

a) Đào tạo

- Đào tạo sau đại học: Tiến sĩ/Bác sĩ chuyên khoa II 10 người, Thạc sĩ/Bác sĩ chuyên khoa I 10 người.

- Tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của Bệnh viện; ưu tiên đào tạo các lĩnh vực chuyên môn mũi nhọn, đáp ứng định hướng tăng nguồn thu và nâng cao chất lượng

dịch vụ; kết hợp đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí trong điều kiện tự chủ tài chính.

- Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa (CME): Chủ động rà soát thời gian, điều kiện hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của mình, cập nhật kiến thức theo quy định.

- Đào tạo chuẩn hóa trình độ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Xây dựng đội ngũ viên chức có trình độ chuyên môn, năng lực quản trị và bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế tự chủ.

- Đảm bảo viên chức thuộc diện quy hoạch, bổ nhiệm được cử tham gia đào tạo theo tiêu chuẩn quy định; 100% cán bộ quản lý có trình độ lý luận chính trị phù hợp với chức vụ đảm nhiệm.

- Chuẩn hóa điều kiện về ngạch, bậc và nâng cao năng lực tham mưu, quản trị nội bộ; mục tiêu 100% viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương được bồi dưỡng theo quy định.

- Đáp ứng yêu cầu thăng hạng, nâng cao chất lượng chuyên môn, hoàn thành bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho viên chức giai đoạn 2026-2030.

- Bảo đảm 100% viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định và phù hợp với vị trí việc làm.

- Định kỳ rà soát đối tượng, đăng ký chỉ tiêu đào tạo đối với từng loại đối tượng; phân đầu hết năm 2030, Bệnh viện đảm bảo 100% viên chức thuộc đối tượng được cử tham gia bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp.

- Tăng cường phối hợp và ký kết hợp tác, hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở đào tạo tại Hà Nội và các trường trong cả nước: Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Học viện Quân y, Trường Cao đẳng kỹ thuật Hải Dương...

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận sinh viên của các trường tới thực hành: hợp đồng chi tiết, kế hoạch giảng bài, quản lý sinh viên, điều phối thực tập tại các khoa chuyên môn tại Bệnh viện.

- Tiếp tục mở rộng lĩnh vực thực hành theo trình độ chuyên môn của cán bộ y tế Bệnh viện.

- Hoàn thiện các thủ tục, lập kế hoạch tiếp nhận học viên tới học thực hành và hỗ trợ, hướng dẫn học viên trong quá trình học cũng như trong quá trình nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khi kết thúc quá trình thực hành.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt khoa học với từng chủ đề phân bổ từng mảng chuyên ngành của Bệnh viện.

- Tăng cường các buổi hội chẩn, bình bệnh án, ca bệnh đặc biệt, bình đơn thuốc nhằm nâng cao năng lực cán bộ Bác sĩ, điều dưỡng của Bệnh viện.

- Tăng cường triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, khuyến khích cán bộ, nhân viên tích cực đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; đồng thời nâng cao tỷ lệ đề tài được nghiệm thu và ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn chuyên môn.

- Đẩy mạnh hoạt động phối hợp nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu uy tín như Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; qua đó nâng cao chất lượng nghiên cứu, trao đổi học thuật và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động khám chữa bệnh.

5. Về quản lý tài chính

- Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2) theo Quyết định số 804/QĐ-SYT ngày 27/01/2026 của Sở Y tế về việc giao quyền tự chủ về tài chính giai đoạn 2026-2030 Bệnh viện Nội tiết Nam Định.

- Xây dựng dự toán thu - chi sát với thực tế hoạt động chuyên môn và định hướng phát triển của bệnh viện. Phân bổ dự toán đến các khoa, phòng đảm bảo công khai, minh bạch.

- Tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản: Thu viện phí, thu bảo hiểm y tế, thu dịch vụ theo yêu cầu và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Kiểm soát chặt chẽ chi thường xuyên: tiền lương, phụ cấp, thuốc, vật tư y tế, hóa chất, điện nước, sửa chữa, dịch vụ thuê ngoài... Thực hiện chi tiêu theo đúng dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành.

- Hạch toán đầy đủ tài sản, công cụ dụng cụ; thực hiện kiểm kê định kỳ. Quản lý mua sắm, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị đúng quy trình, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Theo dõi, quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

- Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đúng thời hạn, phản ánh trung thực tình hình tài chính của bệnh viện. Thực hiện công khai tài chính theo quy định, phối hợp tốt với các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

1. Bệnh viện hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ nhóm 2).

2. Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật đối với việc điều hành và kết quả triển khai quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm chất lượng, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỤ THỂ

1. Về thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và điều kiện thực tế của đơn vị.

- Tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các hoạt động dịch vụ khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn và kế hoạch hoạt động dịch vụ của đơn vị; báo cáo Sở Y tế để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng chuyên môn và điều kiện thực hiện của đơn vị.

- Quyết định mua sắm tài sản, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động hợp pháp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền.

- Tham gia đấu thầu, cung ứng dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Trên cơ sở danh mục kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành và nhu cầu thực tế, đơn vị xây dựng hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật theo phân cấp quản lý chuyên môn của ngành y tế.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các quy trình chuyên môn, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền và triển khai áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổ chức triển khai bệnh án điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý, khám bệnh, chữa bệnh theo lộ trình và quy định của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Về tổ chức bộ máy

a) Ban Giám đốc Bệnh viện

- Ban Giám đốc Bệnh viện gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật).

- Giám đốc Bệnh viện là người đứng đầu Bệnh viện, đại diện cho Bệnh viện trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Bệnh viện, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động và kết quả công tác của Bệnh viện.

- Phó Giám đốc Bệnh viện là người giúp Giám đốc Bệnh viện phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bệnh viện, trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Bệnh viện vắng mặt một Phó Giám đốc Bệnh viện được Giám đốc Bệnh viện ủy quyền điều hành mọi hoạt động của Bệnh viện.

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

b) Các khoa, phòng chức năng

- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm 05 phòng:

(1) Phòng Tổ chức - Hành chính;

(2) Phòng Tài chính kế toán;

(3) Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyển;

(4) Phòng Điều dưỡng;

(5) Phòng Vật tư y tế - quản lý chất lượng bệnh viện.

- Các khoa chức năng gồm 08 khoa:

- (1) Khoa Khám bệnh;
- (2) Khoa Hồi sức cấp cứu - Biến chứng bàn chân - Đái tháo đường;
- (3) Khoa Điều trị tổng hợp;
- (4) Khoa Dược - Trang thiết bị y tế;
- (5) Khoa Cận lâm sàng;
- (6) Khoa Ngoại gây mê hồi sức;
- (7) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- (8) Khoa Dinh dưỡng.

- Giám đốc Bệnh viện ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các khoa, phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc.

- Giám đốc Bệnh viện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng và tổ chức tương đương không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành của Bệnh viện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Về nhân sự

a) Số lượng người làm việc giai đoạn 2026-2030

- Bệnh viện tổ chức xây dựng và rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của đơn vị phù hợp với kế hoạch phát triển từng giai đoạn của Bệnh viện.

- Căn cứ tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và khối lượng công việc thực tế bảo đảm phù hợp với mức độ tự chủ tài chính, định mức chuyên môn ngành y tế và khả năng cân đối nguồn lực của đơn vị để thực hiện tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, hợp đồng thuê khoán công việc để hoàn thành nhiệm vụ được giao theo từng thời điểm cụ thể.

- Bệnh viện dự kiến số lượng người làm việc giai đoạn 2026-2030 như sau:

- + Năm 2026: 75 người;
- + Năm 2027: 89 người;
- + Năm 2028: 120 người;
- + Năm 2029: 130 người;
- + Năm 2030: 150 người.

b) Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Quyết định thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Về tài chính

Thực hiện theo Quyết định số 804/QĐ-SYT ngày 27/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ về tài chính giai đoạn 2026-2030 Bệnh viện Nội tiết Nam Định.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Bệnh viện Nội tiết Nam Định

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Đề án tự chủ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.
- Báo cáo Sở Y tế, Sở Nội vụ kết quả triển khai thực hiện Đề án tự chủ; đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện Đề án tự chủ giai đoạn 2026-2030 sau khi kết thúc.

2. Sở Y tế

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để Bệnh viện thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã xây dựng và thực hiện Đề án tự chủ theo đúng quy định của pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sau khi kết thúc Đề án tự chủ giai đoạn 2026-2030.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bệnh viện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tạo điều kiện để Bệnh viện tổ chức thực hiện tốt Đề án.

II. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỀ ÁN

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có các vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh, Bệnh viện báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp./.